

**TỜ TRÌNH****Dự án Luật Tương trợ tư pháp về dân sự**

Kính gửi: Chính phủ

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2020), Nghị quyết số 129/2024/QH15 ngày 08/6/2023 của Quốc hội về Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2025, điều chỉnh Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2024 (Nghị quyết số 129/2024/QH15); trên cơ sở phân công, chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Quyết định số 568/QĐ-TTg ngày 26/6/2024 của Thủ tướng Chính phủ phân công cơ quan chủ trì soạn thảo, thời hạn trình các dự án luật được điều chỉnh trong Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2024 và các dự án luật thuộc Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2025 (Quyết định số 568/QĐ-TTg), Bộ Tư pháp đã chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành và các cơ quan, tổ chức có liên quan xây dựng dự án Luật Tương trợ tư pháp về dân sự. Bộ Tư pháp xin báo cáo Chính phủ như sau:

**I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH LUẬT****1. Cơ sở chính trị, pháp lý**

Việc xây dựng Luật Tương trợ tư pháp (TTTP) về dân sự nhằm hiện thực hoá các chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước về tăng cường hợp tác quốc tế về pháp luật và hoàn thiện pháp luật TTTP thể hiện tại Kết luận số 19-KL/TW ngày 14/10/2021 của Bộ Chính trị về định hướng Chương trình xây dựng pháp luật nhiệm kỳ Quốc hội khóa XV (Kết luận số 19-KL/TW); Nghị quyết số 08-NQ/TW ngày 02/01/2002 của Bộ Chính trị về một số nhiệm vụ trọng tâm công tác tư pháp trong thời gian tới trong đó Mục B.7 đã xác định rõ nhiệm vụ phổ biến rộng rãi và tổ chức thực hiện tốt các Công ước quốc tế, Hiệp định TTTP mà Nhà nước ta đã ký kết hoặc gia nhập; Nghị quyết số 49-NQ/TW ngày 02/6/2005 của Bộ Chính trị về chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020 (Nghị quyết 49) và Kết luận số 84-KL/TW, ngày 29/7/2020 của Bộ Chính trị về tổng kết 15 năm thực hiện Nghị quyết số 49-NQ/TW (Kết luận số 84)<sup>1</sup>; Nghị quyết số 22-NQ/TW ngày 10/4/2013 của Bộ Chính trị về hội nhập quốc tế (Nghị quyết 22)<sup>2</sup> và phương hướng hoàn thiện thể chế,

<sup>1</sup> Mục II.2.6 Nghị quyết 49 đề ra nhiệm vụ Tổ chức thực hiện tốt các điều ước quốc tế mà Nhà nước ta đã tham gia. Tiếp tục ký kết hiệp định TTTP với các nước khác, trước hết là với các nước láng giềng, các nước trong khu vực và các nước có quan hệ truyền thống. Kết luận số 84 yêu cầu tiếp tục thực hiện những nhiệm vụ tại Nghị quyết 49 còn nguyên giá trị.

<sup>2</sup> Mục III.2 Nghị quyết đề ra định hướng chủ yếu là Thực hiện hiệu quả các cam kết quốc tế mà Việt Nam đã thỏa thuận

phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa đề ra trong Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng cũng đã xác định nhiệm vụ hoàn thiện pháp luật về TTTP tại mục IV.2 của Báo cáo; Nghị quyết số 18/NQ-TW ngày 25/10/2017 Hội nghị lần thứ sáu Ban chấp hành Trung ương khóa XII – Một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả (Nghị quyết 18)<sup>3</sup>; Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng trong đó đưa ra quan điểm chỉ đạo là “Bảo đảm cao nhất lợi ích quốc gia - dân tộc trên cơ sở các nguyên tắc cơ bản của Hiến chương Liên hợp quốc và luật pháp quốc tế, bình đẳng, hợp tác, cùng có lợi”; Nghị quyết số 06-NQ/TW ngày 05/11/2016 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về thực hiện có hiệu quả tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế, giữ vững ổn định chính trị - xã hội trong bối cảnh nước ta tham gia các Hiệp định thương mại tự do thế hệ mới<sup>4</sup>; Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 9/11/2022 Hội nghị lần thứ 6 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn mới (Nghị quyết 27-NQ/TW)<sup>5</sup>; Nghị quyết số 36a/NQ ngày 14/10/2015 của Chính phủ về Chính phủ điện tử (Nghị quyết số 36a)<sup>6</sup>; Nghị quyết số 93/NQ-CP ngày 05/7/2023 của Chính phủ về nâng cao hiệu quả hội nhập kinh tế quốc tế, thúc đẩy kinh tế phát triển nhanh và bền vững giai đoạn 2023-2030 trong đó có nhiệm vụ giao cho Bộ Tư pháp tại III.2.e là “Giúp Chính phủ xây dựng, trình Quốc hội dự án Luật Tương trợ tư pháp dân sự”; Quyết định số 749/QĐ-TTg phê duyệt chương trình chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến 2030.

Thực hiện Kết luận số 19-KL/TW ngày 14/10/2021 của Bộ Chính trị về định hướng Chương trình xây dựng pháp luật nhiệm kỳ Quốc hội khóa XV; Kế hoạch số 81/KH-UBTVQH15 ngày 05/11/2021 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về triển khai thực hiện Kết luận số 19-KL/TW của Bộ Chính trị và Đề án định hướng chương trình xây dựng pháp luật nhiệm kỳ Quốc hội khóa XV và Quyết định số 2114/QĐ-TTg ngày 16/12/2021 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch thực hiện Kết luận số 19-KL/TW của Bộ Chính trị và Đề án định hướng chương trình xây dựng pháp luật nhiệm kỳ Quốc hội khóa XV, Bộ Tư pháp đã có Tờ trình số 01/TTr-BTP ngày 11/01/2024 về đề nghị xây dựng Luật tương trợ tư pháp về dân sự trình Chính phủ. Ngày 05/3/2024, Chính phủ đã có Tờ trình số 82/TTr-CP về đề nghị Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2025, điều chỉnh Chương trình xây dựng luật,

<sup>3</sup> Mục III.1 Nghị quyết 18 đặt ra nhiệm vụ, giải pháp tiếp tục cải cách hành chính mạnh mẽ, ứng dụng sâu rộng khoa học - công nghệ, nhất là công nghệ thông tin

<sup>4</sup> Trong đó mục II.2 đã đặt ra nhiệm vụ là *Khẩn trương rà soát, bổ sung, hoàn thiện luật pháp trực tiếp liên quan đến hội nhập kinh tế quốc tế, phù hợp với Hiến pháp, tuân thủ đầy đủ, đúng đắn các quy luật của kinh tế thị trường và các cam kết hội nhập kinh tế quốc tế; nội luật hóa theo lộ trình phù hợp những điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên*

<sup>5</sup> Mục IV.9 đã đặt ra nhiệm vụ: Hoàn thiện pháp luật điều chỉnh mối quan hệ giữa pháp luật Việt Nam và pháp luật quốc tế; giải quyết hiệu quả các xung đột về thẩm quyền và pháp luật giữa Việt Nam và các quốc gia khác, bảo đảm tốt các quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của cá nhân, tổ chức, cơ quan nhà nước Việt Nam; Mục V.7 Xây dựng nền tư pháp chuyên nghiệp, hiện đại, công bằng, nghiêm minh, liêm chính, phụng sự Tổ quốc, phục vụ Nhân dân trong đó có xây dựng tòa án điện tử.

<sup>6</sup> Một trong những giải pháp được nêu tại Nghị quyết là *Đẩy mạnh đổi mới, tăng cường ứng dụng CNTT trong công tác quản lý nhà nước*

pháp lệnh năm 2024 trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội, trong đó có dự án Luật Tương trợ tư pháp về dân sự.

Ngày 08/6/2023, Quốc hội thông qua Nghị quyết số 129/2024/QH15 về Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2025, điều chỉnh Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2024. Trên cơ sở Nghị quyết số 129/2024/QH15, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 568/QĐ-TTg phân công Bộ Tư pháp chủ trì xây dựng Luật Tương trợ tư pháp về dân sự.

## 2. Cơ sở thực tiễn

Luật TTTP về dân sự là một trong bốn luật được tách ra từ Luật Tương trợ tư pháp năm 2007 (Luật TTTP). Trong quá trình tổng kết Luật TTTP phần nội dung TTTP về dân sự, bên cạnh những bất cập chung của Luật TTTP, quy định về TTTP trong lĩnh vực dân sự còn những hạn chế, chưa đáp ứng đầy đủ yêu cầu mới của sự phát triển trong lĩnh vực này<sup>7</sup>, đặc biệt trong bối cảnh Việt Nam đã ký kết, tham gia nhiều điều ước quốc tế (ĐUQT) mới trong lĩnh vực này cũng như trước các đổi mới về thích ứng linh hoạt sau đại dịch Covid-19 và tận dụng sự phát triển nhanh chóng của công nghệ thông tin, có thể kể đến như:

*Một là*, Luật TTTP hiện hành chưa bao hàm hết các phạm vi TTTP hiện nay, cụ thể phạm vi điều chỉnh của Luật TTTP không bao gồm TTTP trong lĩnh vực hành chính nhưng thực tiễn thực hiện có nhiều yêu cầu TTTP để phục vụ giải quyết các vụ án hành chính.

*Hai là*, thiếu quy định về giá trị pháp lý của kết quả TTTP do cơ quan có thẩm quyền nước ngoài thực hiện cũng như quy định về áp dụng pháp luật nước ngoài; thiếu các quy định tạo cơ sở pháp lý để cơ quan có thẩm quyền trong nước xem xét, giải quyết những yêu cầu mới có thể phát sinh từ thực tiễn.

*Ba là*, Luật TTTP chưa quy định việc áp dụng các chuẩn mực quốc tế TTTP về dân sự trong bối cảnh Việt Nam đã ký kết, gia nhập nhiều ĐUQT song phương và đa phương mới về TTTP trong lĩnh vực dân sự gần đây như Công ước La Hay năm 1965 về tổng đạt ra nước ngoài giấy tờ tư pháp và ngoài tư pháp trong lĩnh vực dân sự hoặc thương mại (Công ước tổng đạt), Công ước La Hay năm 1970 về thu thập chứng cứ ở nước ngoài trong lĩnh vực dân sự hoặc thương mại (Công ước thu thập chứng cứ).

*Bốn là*, Luật TTTP chưa tạo cơ chế để từng bước xã hội hóa hoạt động tổng đạt giấy tờ để giảm tải công việc cho cơ quan nhà nước và rút ngắn thời gian thực hiện.

*Năm là*, Luật TTTP thiếu cơ sở pháp lý để đa dạng các phương thức thực hiện TTTP mới và ứng dụng công nghệ thông tin trong TTTP về dân sự.

Chính vì vậy, việc xây dựng Luật TTTP về dân sự là yêu cầu cấp thiết khách quan nhằm khắc phục những hạn chế, bất cập hiện nay trong TTTP về dân sự, đáp ứng yêu cầu của công tác này trong tình hình mới. Luật TTTP về dân sự được xây

<sup>7</sup> Báo cáo số 413/BC-BTP ngày 15/12/2023 của Bộ Tư pháp tổng kết thi hành Luật Tương trợ tư pháp phần về dân sự.

dựng trên cơ sở sửa đổi, kế thừa các quy định TTTP trong lĩnh vực dân sự còn phù hợp của Luật TTTP và các văn bản hướng dẫn thi hành, bổ sung các nội dung mới, đáp ứng các yêu cầu phát triển của hội nhập quốc tế và yêu cầu, đặc thù riêng của hoạt động TTTP về dân sự.

## **II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG DỰ ÁN LUẬT TTTP VỀ DÂN SỰ**

### **1. Mục đích**

Hoàn thiện pháp luật TTTP về dân sự theo hướng hiện đại, khả thi, thúc đẩy hợp tác quốc tế, hỗ trợ quy trình giải quyết các vụ việc dân sự (theo nghĩa rộng) và vụ án hành chính có yếu tố nước ngoài được nhanh chóng, chính xác và hiệu quả; giúp bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các đối tượng có liên quan, tăng cường khả năng thực hiện quyền tiếp cận công lý của người dân; tạo nền tảng cho việc ký kết và thực hiện các ĐUQT về TTTP trong lĩnh vực dân sự.

### **2. Quan điểm**

*Một là*, thể chế hóa các chủ trương, đường lối của Đảng và chính sách của Nhà nước ta về hội nhập quốc tế, cải cách pháp luật, cải cách tư pháp, xây dựng nhà nước pháp quyền, đảm bảo quyền con người trong lĩnh vực tư pháp, cụ thể là:

(i) Định hướng xây dựng và hoàn thiện các văn bản quy phạm pháp luật, thiết lập bộ máy đủ thẩm quyền và năng lực để chỉ đạo điều hành, kiểm tra, giám sát và phối hợp các hoạt động hội nhập quốc tế tại Nghị quyết 22; hoàn thiện đồng bộ hệ thống pháp luật, cơ chế, chính sách nhằm phát huy mạnh mẽ dân chủ xã hội chủ nghĩa, quyền làm chủ của Nhân dân được nêu ra tại Nghị quyết Đại hội Đảng lần thứ XIII;

(ii) Tiếp tục củng cố và tăng cường hợp tác về tương trợ tư pháp của Việt Nam với các nước trong thời kỳ mới, mở rộng quan hệ quốc tế về tương trợ tư pháp như được nêu ra tại Hội nghị lần thứ 8 Ban chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam khóa VII;

(iii) Tổ chức thực hiện tốt các điều ước quốc tế, các hiệp định tương trợ tư pháp mà Việt Nam tham gia được đề ra tại Nghị quyết 08, Nghị quyết 49-NQ/TW, Kết luận 84-KL/TW;

(iv) Hoàn thiện các thủ tục tố tụng tư pháp, bảo đảm tính đồng bộ, dân chủ, công khai, minh bạch, tôn trọng và bảo vệ quyền con người tại Nghị quyết 49-NQ/TW, Kết luận 84-KL/TW;

(v) Hoàn thiện thể chế, phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa trong đó có hoàn thiện pháp luật TTTP phù hợp với pháp luật quốc tế được nêu tại Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng.

(vi) Tăng cường, chủ động hội nhập quốc tế đáp ứng yêu cầu xây dựng, hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới tại Nghị quyết số 27-NQ/TW.

*Hai là*, Luật TTTP về dân sự được xây dựng trên cơ sở các định hướng chính sách xây dựng luật đã được phê duyệt và kế thừa có chọn lọc các chính sách còn phù hợp của Luật TTTP (phần về dân sự) và các văn bản hướng dẫn thi hành, cụ thể các chính sách về: (i) xác định các nguyên tắc chung về thực hiện TTTP, các quy định về thành phần hồ sơ, trình tự, thủ tục phù hợp với thông lệ quốc tế và điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên; (ii) xây dựng thủ tục thực hiện TTTP đảm bảo các yêu cầu được giải quyết nhanh, hiệu quả; (iii) chỉ định cơ quan đầu mối, cơ quan phối hợp và quy định rõ trách nhiệm của các cơ quan này trong thực hiện TTTP và các chế độ báo cáo, thống kê công tác TTTP đảm bảo phù hợp chức năng của các cơ quan và nâng cao hiệu quả công tác tương trợ tư pháp. Bên cạnh đó, Luật TTTP về dân sự sẽ bổ sung các nội dung mới vừa phù hợp với các chuẩn mực chung của thế giới, vừa đáp ứng các yêu cầu phát triển của công nghiệp hóa, hiện đại hóa, của hội nhập quốc tế nói chung và trong hoạt động TTTP về dân sự nói riêng qua đó tăng cường hiệu quả quản lý nhà nước về TTTP trong lĩnh vực dân sự.

*Ba là*, việc xây dựng Luật mới một mặt đảm bảo khắc phục được các hạn chế, bất cập hiện nay; mặt khác cắt giảm quy trình tiếp nhận và xử lý yêu cầu TTTP, cắt, giảm chi phí đảm bảo đổi mới bộ máy nhà nước tinh gọn, hiệu quả phù hợp với các định hướng lớn của Đảng tại Nghị quyết số 18; hiện đại hóa việc xử lý các yêu cầu TTTP về dân sự theo hướng áp dụng hiệu quả công nghệ thông tin phù hợp với việc xây dựng Chính phủ điện tử tại Nghị quyết số 36a và đảm bảo tính khả thi, phù hợp với điều kiện cơ sở hạ tầng; đáp ứng mục tiêu đến năm 2030 là 100% hồ sơ công việc tại cấp Bộ được xử lý trên môi trường mạng được nêu ra tại Quyết định số 749/QĐ-TTg phê duyệt chương trình chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến 2030.

*Bốn là*, tham khảo rộng rãi, thực chất ý kiến của các chuyên gia, các nhà khoa học và các đối tượng chịu trách nhiệm chính thi hành luật này trong quá trình xây dựng dự án Luật để đảm bảo chất lượng và khả thi.

*Năm là*, góp phần tạo cơ sở pháp lý cho việc hoàn thiện pháp luật tố tụng dân sự, tố tụng hành chính, thống nhất, tương thích với Luật này.

*Sáu là*, bám sát ý kiến chỉ đạo của đồng chí Tô Lâm - Tổng Bí thư Đảng cộng sản Việt Nam về công tác xây dựng pháp luật, trong đó có nội dung mang tính nguyên tắc, có sự thay đổi lớn trong tư duy xây dựng pháp luật, đó là: “*Các quy định của pháp luật phải mang tính ổn định, có giá trị lâu dài. Luật chỉ quy định những vấn đề khung, những vấn đề có tính nguyên tắc, không cần quá dài. Những vấn đề thực tiễn biến động thường xuyên thì giao cho Chính phủ, địa phương quy định để đảm bảo linh hoạt trong điều hành*”.

### **III. PHẠM VI ĐIỀU CHỈNH, ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG CỦA DỰ ÁN LUẬT**

#### **1. Phạm vi điều chỉnh**

Dự án Luật quy định nguyên tắc, thẩm quyền, trình tự, thủ tục thực hiện TTTP về dân sự và trách nhiệm của các cơ quan nhà nước Việt Nam trong hoạt động này.

## 2. Đối tượng áp dụng

Dự án Luật áp dụng đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân Việt Nam và nước ngoài có liên quan đến hoạt động TTTP về dân sự với Việt Nam

## IV. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ ÁN LUẬT

Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ Quyết định số 568/QĐ-TTg ngày 26/6/2024 phân công cơ quan chủ trì soạn thảo, thời hạn trình các dự án luật, pháp lệnh được điều chỉnh trong Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2024 và các dự án luật thuộc Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2025, Bộ Tư pháp đã chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành và các cơ quan, tổ chức có liên quan xây dựng dự án Luật TTTP về dân sự theo đúng quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, cụ thể như sau:

1. Thành lập Ban soạn thảo, Tổ biên tập với sự tham gia của đại diện các bộ, ngành Trung ương, cơ quan địa phương, cơ quan, tổ chức có liên quan;

2. Xây dựng dự thảo Luật, tờ trình và các tài liệu có liên quan đến dự án Luật;

3. Tổ chức lấy ý kiến các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan để xây dựng, hoàn thiện dự án Luật<sup>8</sup>: đăng tải hồ sơ dự án Luật trên Cổng thông tin điện tử của Chính phủ, Bộ Tư pháp để lấy ý kiến rộng rãi<sup>9</sup>; gửi lấy ý kiến bằng văn bản của các bộ, ngành, địa phương và cơ quan, tổ chức liên quan. Các ý kiến đóng góp đã được Ban soạn thảo nghiên cứu, tiếp thu để chỉnh lý, hoàn thiện dự án Luật.

3. Tổ chức các hoạt động phục vụ cho việc nghiên cứu xây dựng dự án Luật, tổ chức các cuộc tọa đàm, hội thảo với các chuyên gia về nội dung dự án Luật<sup>10</sup>, các đợt làm việc tập trung của Tổ soạn thảo

5. Ngày .../.../2024, Bộ Tư pháp đã tổ chức Hội đồng thẩm định dự án Luật. Trên cơ sở ý kiến thẩm định, Bộ Tư pháp đã chỉnh lý, hoàn thiện dự thảo Luật và các tài liệu kèm theo để trình Chính phủ.

## V. BỐ CỤC, NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ ÁN LUẬT

### 1. Bố cục

Dự thảo Luật TTTP về dân sự được xây dựng với bố cục gồm 05 chương, 41 điều. Cụ thể như sau:

Chương I. Những quy định chung (gồm 11 điều: từ Điều 1 đến Điều 11);

Chương II. Thực hiện yêu cầu tương trợ tư pháp về dân sự của Việt Nam (gồm 08 điều: từ Điều 12 đến Điều 19);

Chương III. Thực hiện yêu cầu tương trợ tư pháp về dân sự của nước ngoài (gồm 8 điều: từ Điều 20 đến Điều 27);

<sup>8</sup> Công văn số 5407/BTP-PLQT ngày 26/9/2024 của Bộ Tư pháp về việc lấy ý kiến dự thảo Luật TTTP về dân sự.

<sup>9</sup> Công văn số 5056/BTP-PLQT ngày 10/9/2024; Công văn số 687/PLQT-TPQT ngày 10/9/2024 về đề nghị đăng tải dự thảo Luật TTTP về dân sự.

<sup>10</sup> Hội thảo lấy ý kiến dự thảo Luật tại Đà Nẵng ngày 11/10/2024, thành phố Hồ Chí Minh ngày 14/10/2024 và Hà Nội ngày 18/10/2024.

Chương IV. Trách nhiệm của các cơ quan nhà nước, tổ chức có liên quan trong hoạt động tương trợ tư pháp về dân sự (gồm 10 điều: từ Điều 28 đến Điều 37);

Chương V. Điều khoản thi hành (gồm 04 điều: từ Điều 38 đến Điều 41).

## 2. Nội dung cơ bản của dự án luật

### 2.1. Những quy định chung (Chương I)

Chương này gồm 11 điều quy định: phạm vi điều chỉnh; đối tượng áp dụng, phạm vi TTTP về dân sự; giải thích một số thuật ngữ; nguyên tắc TTTP về dân sự, áp dụng pháp luật, ngôn ngữ trong hồ sơ TTTP về dân sự; chứng nhận lãnh sự, hợp pháp hóa lãnh sự hồ sơ TTTP; thẩm quyền tiếp nhận yêu cầu TTTP về dân sự; triệu tập người làm chứng, người giám định và chi phí thực hiện TTTP về dân sự.

Các quy định của Chương này cơ bản kế thừa quy định của Chương I Luật TTTP, đồng thời có một số nội dung mới cụ thể hoá các chính sách đã được phê duyệt như sau:

*Thứ nhất*, giải thích các thuật ngữ được sử dụng trong Luật TTTP về dân sự nhằm bảo đảm cách hiểu thống nhất: Tương trợ tư pháp; Yêu cầu tương trợ tư pháp của Việt Nam; Yêu cầu tương trợ tư pháp của nước ngoài; Giấy tờ; Đương sự (Điều 4).

*Thứ hai*, bổ sung quy định điều kiện để áp dụng pháp luật nước ngoài trong trường hợp không có điều ước quốc tế (ĐUQT) hoặc ĐUQT không quy định (Điều 5), theo đó việc áp dụng pháp luật nước ngoài sẽ được xem xét khi có đủ điều kiện:

- (i) có đề nghị bằng văn bản của cơ quan có thẩm quyền nước ngoài;
- (ii) việc áp dụng pháp luật nước ngoài không trái với các nguyên tắc TTTP về dân sự.

*Thứ ba*, sửa đổi, bổ sung quy định về nguyên tắc thực hiện TTTP về dân sự (Điều 6):

(i) bổ sung quy định thực hiện TTTP phải *đảm bảo quyền, lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan*, nội dung này hoàn toàn phù hợp với bản chất của quan hệ dân sự;

(ii) không quy định trực tiếp và chặt chẽ về nguyên tắc có đi có lại mà tiếp cận linh hoạt hơn bằng việc bổ sung trường hợp có thể từ chối thực hiện TTTP của nước ngoài khi có căn cứ cho rằng nước đó không hợp tác thực hiện TTTP của Việt Nam (điểm a khoản 2 Điều 21). Quy định này nhằm tạo cơ sở pháp lý cho cơ quan có thẩm quyền Việt Nam tùy từng trường hợp có thể xem xét quyết định việc áp dụng có đi có lại trong thực hiện TTTP với phía nước ngoài với mục đích bảo đảm tối đa quyền, lợi ích của người dân, doanh nghiệp trong các vụ việc dân sự, cũng như mở rộng hợp tác quốc tế trong lĩnh vực này.

*Thứ tư*, về chứng nhận lãnh sự, hợp pháp hóa lãnh sự hồ sơ TTTP về dân sự (Điều 8), không yêu cầu các giấy tờ trong hồ sơ TTTP về dân sự phải chứng nhận lãnh sự, hợp pháp hóa lãnh sự. Quy định này phù hợp với các ĐUQT về TTTP mà

Việt Nam là thành viên và Nghị định 111/2011/NĐ-CP ngày 05/12/2011 của Chính phủ về chứng nhận lãnh sự, hợp pháp hoá lãnh sự.

*Thứ năm*, bổ sung quy định rõ các nội dung của chi phí thực hiện TTTP về dân sự, quy định ngoại lệ liên quan đến nghĩa vụ thanh toán chi phí thực hiện TTTP về dân sự, theo đó Việt Nam và nước ngoài có thể ký kết ĐUQT có quy định khác về nghĩa vụ thanh toán chi phí thực hiện TTTP so với nguyên tắc chi trả chi phí mà Luật đang quy định (Điều 11).

## **2.2. Thực hiện yêu cầu tương trợ tư pháp về dân sự của Việt Nam (Chương II)**

Chương này gồm 08 điều, quy định về thẩm quyền yêu cầu TTTP; hồ sơ; trình tự thủ tục tiếp nhận và giải quyết yêu cầu TTTP về dân sự của cơ quan, tổ chức, người có thẩm quyền Việt Nam gửi đi nước ngoài; thực hiện yêu cầu TTTP về dân sự khác; chuyển giao yêu cầu TTTP theo phương thức điện tử; phương thức thực hiện TTTP về dân sự; thu thập chứng cứ lấy lời khai trực tuyến.

Các quy định của Chương này kế thừa quy định của Chương II của Luật TTTP và bổ sung một số nội dung để cụ thể hoá chính sách đã được phê duyệt như sau:

*Thứ nhất*, quy định thẩm quyền yêu cầu TTTP về dân sự bao quát và linh hoạt hơn so với quy định hiện hành, theo đó toà án nhân dân, viện kiểm sát nhân dân, cơ quan thi hành án dân sự các cấp và các cơ quan, tổ chức cá nhân khác có quyền yêu cầu TTTP (Điều 12). Quy định này phù hợp với chức năng, thẩm quyền của giải quyết các vụ việc dân sự có yếu tố nước ngoài của các chủ thể này theo quy định của pháp luật.

*Thứ hai*, giảm bớt 01 (một) loại văn bản bắt buộc là văn bản gửi Bộ Tư pháp (văn bản yêu cầu TTTP về dân sự sẽ được sử dụng chung không cần thiết phải có thêm văn bản gửi Bộ Tư pháp) trong hồ sơ yêu cầu TTTP về dân sự (Điều 13) so với quy định tại Luật TTTP hiện hành.

*Thứ ba*, quy định mới về trình tự, thủ tục thực hiện một yêu cầu thuộc phạm vi yêu cầu TTTP về dân sự khác cụ thể là các yêu cầu về cung cấp giấy tờ, bản án, quyết định về hộ tịch, thông tin pháp luật để giải quyết vụ việc dân sự. Đồng thời có quy định “quét”, đảm bảo cho việc xử lý các yêu cầu TTTP có thể phát sinh trong tương lai mà tại thời điểm hiện nay pháp luật chưa dự liệu được, theo đó cho phép Bộ Tư pháp trao đổi với các cơ quan, người có thẩm quyền trong nước và nước ngoài về việc thực hiện khi có yêu cầu TTTP không thuộc phạm vi TTTP đã được xác định rõ Luật (Điều 15).

*Thứ tư*, cho phép chuyển giao yêu cầu TTTP về dân sự của Việt Nam bằng phương tiện điện tử trong trường hợp phía nước ngoài chấp nhận. Quy định này giúp cắt ngắn được thời gian chuyển yêu cầu TTTP và nhận kết quả so với gửi thông thường qua bưu điện, đồng thời cũng tiết kiệm chi phí gửi hồ sơ (Điều 17).



*Thứ năm*, ghi nhận giá trị pháp lý của kết quả thực hiện yêu cầu TTTP về dân sự của Việt Nam, theo đó kết quả TTTP do Bộ Tư pháp thông báo được sử dụng trong giải quyết các vụ việc dân sự (Điều 18).

*Thứ sáu*, cho phép cơ quan, người có thẩm quyền yêu cầu TTTP về dân sự của Việt Nam thực hiện thu thập chứng cứ lấy lời khai trực tuyến của đương sự cư trú tại nước ngoài, trình tự thủ tục thực hiện theo quy định tại Chương II của Luật, pháp luật tổ tụng Việt Nam và pháp luật nước được yêu cầu (Điều 19).

### **2.3. Thực hiện yêu cầu tương trợ tư pháp về dân sự của nước ngoài (Chương III).**

Chương này gồm 8 điều quy định về thẩm quyền thực hiện yêu cầu TTTP của nước ngoài; hồ sơ, thủ tục tiếp nhận và giải quyết yêu cầu TTTP về dân sự của cơ quan có thẩm quyền nước ngoài gửi đến Việt Nam; từ chối, hoãn thực hiện TTTP; thực hiện các yêu cầu TTTP khác; phương thức thực hiện yêu cầu TTTP, tiếp nhận yêu cầu TTTP bằng phương tiện điện tử; thu thập chứng cứ lấy lời khai trực tuyến.

Tương tự như Chương II, về cơ bản các quy định tại Chương này kế thừa quy định tại Chương II Luật TTTP hiện hành. Bổ sung quy định về từ chối, hoãn thực hiện TTTP; thực hiện TTTP của nước ngoài bằng phương tiện điện tử; thu thập chứng cứ qua cầu truyền hình; giao doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính công ích được chỉ định thực hiện tổng đạt giấy tờ để cụ thể hoá các chính sách đã được phê duyệt như sau:

*Thứ nhất*, bổ sung và quy định cụ thể hơn về thẩm quyền thực hiện yêu cầu TTTP dân sự của nước ngoài (Điều 20): bên cạnh các chủ thể kế thừa từ Luật TTTP hiện hành, bổ sung 3 chủ thể gồm:

(i) cơ quan, tổ chức đang lưu giữ, quản lý thông tin, tài liệu, chứng cứ, việc bổ sung nhóm chủ thể này đảm bảo việc thực hiện các yêu cầu TTTP thu thập chứng cứ nhanh, chính xác không phải qua cơ quan trung gian là tòa án như hiện nay.

(ii) cá nhân, cơ quan, tổ chức có thẩm quyền thu thập chứng cứ theo pháp luật tổ tụng, quy định này tạo linh hoạt, đảm bảo thích ứng của Luật khi pháp luật tổ tụng có liên quan thay đổi trong tương lai, cụ thể như Luật Tổ chức toà án nhân dân năm 2024 có thay đổi về chức năng, nhiệm vụ của toà án trong thu thập chứng cứ.

(iii) doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính công ích được chỉ định thực hiện việc tổng đạt giấy tờ của nước ngoài. Đề nghị xây dựng Luật TTTP về dân sự đã được thông qua có nội dung chính sách về xã hội hoá hoạt động tổng đạt giấy tờ, trong đó quy định rõ chủ trương giao cho tổ chức tư nhân (thừa phát lại hoặc bưu điện) được thực hiện tổng đạt giấy tờ của nước ngoài, việc giao cho đơn vị nào tổ chức thực hiện hoạt động tổng đạt giấy tờ của nước ngoài căn cứ vào tính khả thi hiệu quả và năng lực của các đơn vị trong từng thời điểm. Hiện nay thừa phát lại chưa hoạt động trên khắp 63 tỉnh, thành phố của cả nước, nên đối với yêu cầu tổng đạt giấy tờ của nước ngoài đối với đương sự có địa chỉ ở tỉnh/thành phố không có thừa phát lại thì sẽ không có thừa phát lại thực hiện. Việc giao cho một Văn phòng thừa phát lại là đầu mối thực hiện cũng không đảm bảo tính khả thi khi

về nguyên tắc thừa phát lại hoạt động theo địa hạt. Trong khi đó, bưu điện có lợi thế về tính bao phủ của bưu điện trên phạm vi toàn quốc trong giai đoạn hiện nay, đảm bảo việc tổng đạt giấy tờ thực hiện nhanh, chi phí thấp, không bị gián đoạn, đồng thời Tổng công ty Bưu chính Việt Nam đã được giao thẩm quyền thực hiện một số dịch vụ công (Quyết định số 41/2022/QĐ-TTg ngày 03/8/2011 của Thủ tướng Chính phủ chỉ định doanh nghiệp thực hiện duy trì, quản lý mạng bưu chính công cộng, cung ứng dịch vụ bưu chính công ích, dịch vụ bưu chính quốc tế). Do đó, dự thảo Luật quy định giao doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính công ích được chỉ định thực hiện việc tổng đạt giấy tờ của nước ngoài và giao Chính phủ quy định chi tiết về trình tự, thủ tục thực hiện.

*Thứ hai*, từ chối hoặc hoãn thực thiện yêu cầu TTTP về dân sự của nước ngoài (Điều 21). Luật TTTP hiện hành không có quy định về từ chối, hoãn thực hiện yêu cầu TTTP của nước ngoài, mà chỉ quy định về nguyên tắc TTTP đây được coi là cơ sở để Việt Nam từ chối thực hiện yêu cầu TTTP về dân sự của nước ngoài khi việc thực hiện yêu cầu TTTP không đảm bảo nguyên tắc này. Các ĐUQT về TTTP trong lĩnh vực dân sự mà Việt Nam là thành viên có quy định về từ chối, hoãn thực hiện yêu cầu TTTP. Do đó, Luật TTTP về dân sự nội luật hóa các quy định tại ĐUQT quy định các trường hợp từ chối/có thể từ chối, hoãn và giao Bộ Tư pháp thông báo cho cơ quan, cá nhân yêu cầu TTTP về dân sự của nước ngoài về việc Việt Nam từ chối, hoãn thực hiện yêu cầu TTTP.

*Thứ ba*, thực hiện yêu cầu khác của nước ngoài thuộc phạm vi yêu cầu TTTP về dân sự khác (Điều 24), tương tự thực hiện quy định TTTP về dân sự khác của Việt Nam tại Điều 15, quy định này điều chỉnh việc thực hiện các yêu cầu về cung cấp giấy tờ, bản án, quyết định về hộ tịch, thông tin pháp luật để giải quyết vụ việc dân sự và có quy định “quét” để có cơ sở thực hiện được các yêu cầu có thể phát sinh trong tương lai.

*Thứ tư*, tương tự như chuyển giao yêu cầu TTTP của Việt Nam, trường hợp nước yêu cầu TTTP đề nghị chuyển giao yêu cầu TTTP bằng phương tiện điện tử, Bộ Tư pháp thống nhất với cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài cách thức tiếp nhận và trả kết quả yêu cầu (Điều 26).

*Thứ năm*, cho phép cơ quan, người có thẩm quyền nước ngoài được thu thập chứng cứ lấy lời khai trực tuyến đối với người nước ngoài đang cư trú tại Việt Nam, đồng thời quy định điều kiện thực hiện, gửi yêu cầu cho Bộ Tư pháp xem xét, quyết định cho phép thực hiện, giao Chính phủ quy định chi tiết (Điều 27). Quy định mới này đáp ứng nhu cầu ứng dụng công nghệ thông tin trong TTTP, đảm bảo cho kết quả nhanh, không tốn kém chi phí và nguồn nhân lực và yêu cầu thực tế khi nhiều quốc gia đã có yêu cầu Việt Nam cho ý kiến về việc thực hiện theo phương thức này.

## **2.5. Trách nhiệm của các cơ quan nhà nước, tổ chức có liên quan và bảo đảm điều kiện cho hoạt động tương trợ tư pháp về dân sự (Chương IV)**

Chương này gồm 08 điều, quy định về nội dung quản lý nhà nước về TTTP; chức năng, nhiệm vụ của Chính phủ, Bộ Tư pháp và các cơ quan có liên quan trong

TTTP về dân sự; kinh phí thực hiện TTTP về dân sự; hệ thống thông tin TTTP.

Chương V đã có kế thừa quy định tương ứng của Luật TTTP hiện hành có sửa đổi, bổ sung đảm bảo tính khả thi, phù hợp chức năng, nhiệm vụ của các bộ, ngành trong lĩnh vực TTTP về dân sự, cụ thể như sau:

*Thứ nhất*, về nội dung quản lý nhà nước về TTTP (Điều 28), đây là điều luật mới được bổ sung trên cơ sở tham khảo nội dung tương ứng của các luật khác và thực tiễn thực hiện nhiệm vụ giúp Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước về TTTP mà Bộ Tư pháp đang thực hiện theo Nghị định 92/2008/NĐ-CP ngày 22/8/2008 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật TTTP.

*Thứ hai*, về nhiệm vụ của Chính phủ (Điều 28), Luật TTTP hiện hành quy định hàng năm Chính phủ báo cáo Quốc hội về công tác TTTP. Xuất phát từ đặc thù của Luật TTTP là luật về thủ tục, trong thời gian một năm hoạt động sẽ không có nhiều nội dung mới, đặc biệt lại liên quan đến vấn đề hợp tác với nước ngoài nên những vướng mắc (nếu có) không thể khắc phục ngay, các giải pháp cần có lộ trình và thời gian triển khai mới đạt hiệu quả mong đợi. Chính vì vậy, sau khi việc thực hiện Luật TTTP đã đi vào nề nếp, công tác báo cáo hoạt động thường niên không có nhiều nội dung mới cần phải xin ý kiến chỉ đạo. Trên cơ sở đó, dự thảo Luật TTTP về dân sự không quy định về nhiệm vụ này mà chỉ quy định Bộ Tư pháp là cơ quan giúp Chính phủ thực hiện quản lý nhà nước về TTTP dân sự báo cáo Chính phủ, cơ quan có thẩm quyền khi có yêu cầu (khoản 10 Điều 30).

*Thứ ba*, về trách nhiệm của Bộ Tư pháp (Điều 30), bổ sung quy định Bộ Tư pháp thực hiện nhiệm vụ Cơ quan trung ương của Việt Nam trong TTTP về dân sự phù hợp với các ĐUQT về TTTP dân sự mà Việt Nam là thành viên, đồng thời quy định rõ hơn các trách nhiệm của Bộ Tư pháp so với Luật hiện hành thể hiện chức năng của cơ quan trung ương và thực tế nhiệm vụ Bộ Tư pháp đang thực hiện.

*Thứ tư*, về kinh phí đảm bảo công tác TTTP (Điều 36), quy định rõ những nội dung về TTTP được ngân sách nhà nước đảm bảo, bao gồm:

- (i) hoạt động quản lý nhà nước về TTTP;
- (ii) dịch vụ bưu chính công ích để tổng đạt giấy tờ của nước ngoài;
- (iii) trường hợp cơ quan nhà nước là người có nghĩa vụ nộp chi phí TTTP.

*Thứ năm*, về hệ thống thông tin TTTP (Điều 37), quy định hệ thống thông tin TTTP về dân sự hoàn thiện và vận hành chậm nhất trước ngày 01/01/2031. Hệ thống thông tin TTTP để đảm bảo cho việc điện tử hóa toàn trình việc chuyển, nhận và thực hiện yêu cầu TTTP. Hệ thống sẽ cho phép các cơ quan, tổ chức, người có thẩm quyền yêu cầu TTTP của Việt Nam (toà án, cơ quan thi hành án dân sự trên cả nước) quản lý, sử dụng và khai thác thông tin, dữ liệu về TTTP dân sự truy cập, nhập dữ liệu. Quy định thời hạn này phù hợp với Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt "Chương trình chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030"; Quyết định số 942/QĐ-TTg ngày 15/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ về Chiến lược phát triển Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030. Tính đến thời điểm hiện nay

việc xây dựng Chính phủ điện tử, kiến trúc Chính phủ điện tử giai đoạn 2021-2025 về cơ bản đã định hình nên việc xây dựng Hệ thống thông tin TTTP phải đưa vào dự án công nghệ thông tin đầu tư công trung hạn giai đoạn 2025-2030. Việc xây dựng Hệ thống cần được bố trí đảm bảo nguồn lực triển khai, do phải khảo sát, báo cáo nghiên cứu khả thi, triển khai thử nghiệm, triển khai chính thức, hướng dẫn, tập huấn đối với các cơ quan, tổ chức và cá nhân liên quan, thời điểm Luật có hiệu lực (01/7/2026) chưa thể hoàn thành và đưa Hệ thống vào sử dụng chính thức. Do đó, để đảm bảo tính khả thi cũng như tính hiệu quả của hệ thống này, dự thảo Luật quy định thời điểm đưa Hệ thống vào sử dụng chính thức chậm nhất trước ngày 01/01/2031.

## **2.6. Điều khoản thi hành (Chương V)**

Chương này gồm 04 điều, quy định về sửa đổi, bổ sung một số điều của các luật có liên quan; hiệu lực thi hành của Luật, thực hiện yêu cầu TTTP bằng phương tiện điện tử; quy định chuyển tiếp đối với các yêu cầu TTTP được lập trước ngày Luật này có hiệu lực.

*Thứ nhất*, về sửa đổi, bổ sung một số điều của các luật có liên quan (Điều 38), do dự thảo Luật không còn sử dụng thuật ngữ uỷ thác tư pháp nên điều này quy định về việc thay thế, sửa đổi, bổ sung cụm từ uỷ thác tư pháp, tương trợ tư pháp tại một số luật: Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (BLTTDS), Luật Tố tụng hành chính (Luật TTHC), Luật Cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài, Luật Phí, lệ phí để đảm bảo sự thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật có liên quan. Bên cạnh đó để cụ thể hoá giải pháp Mở rộng phạm vi TTTP về dân sự áp dụng thủ tục TTTP về dân sự để giải quyết các yêu cầu TTTP trong tố tụng hành chính tại chính sách đã được phê duyệt, khoản 3 điều này quy định Bổ sung Điều 370a Tương trợ tư pháp trong lĩnh vực tố tụng hành chính Chương IX Điều khoản thi hành Luật Tố tụng hành chính 93/2015/QH13 ngày 25/11/2015: “Các yêu cầu tương trợ tư pháp thực hiện theo pháp luật tương trợ tư pháp về dân sự.”

*Thứ hai*, về thực hiện yêu cầu TTTP về dân sự bằng phương tiện điện tử (Điều 39), trong bối cảnh hệ thống thông tin TTTP về dân sự chưa thể vận hành sau khi Luật có hiệu lực, dự thảo Luật quy định mở tạo sẵn cơ sở pháp lý cho việc thực hiện điện tử hoá toàn trình đối với thực hiện TTTP sau này, theo đó giao Chính phủ quy định về thực hiện TTTP bằng phương tiện điện tử khi có đủ điều kiện và khả năng thực hiện công việc này.

## **VI. TÍNH TỔNG NHẤT CỦA DỰ THẢO LUẬT ĐỐI VỚI CÁC VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT TRONG CÙNG LĨNH VỰC VÀ CÁC LĨNH VỰC CÓ LIÊN QUAN ĐẾN NỘI DUNG CỦA DỰ THẢO.**

Dự thảo luật thống nhất với các văn bản có liên quan đến TTTP về dân sự như BLTTDS, Luật TTHC, Luật Phí và lệ phí, Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi bổ sung năm 2014), Luật Cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài.... Liên quan đến thuật ngữ “uỷ thác tư pháp”, Luật TTTP hiện hành được ban hành từ năm 2007 không có quy định về khái niệm “tương trợ tư pháp” chỉ có quy định khái niệm “uỷ thác tư pháp” tại Điều 6 dẫn đến việc sử dụng không thống nhất các thuật ngữ “uỷ thác tư pháp”, “yêu cầu tương trợ tư pháp”. Việc sử dụng không thống nhất

thuật ngữ này cũng dẫn đến sự nhầm lẫn, chồng chéo với “ủy thác tổng đạt giấy tờ”, “ủy thác thụ thập chứng cứ” giữa các toà án trong nước, không thể hiện đúng, đủ bản chất của hoạt động TTTP là sự hợp tác hỗ trợ lẫn nhau giữa cơ quan có thẩm quyền của các quốc gia. Các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành có liên quan cũng dẫn chiếu hoặc sử dụng thuật ngữ ủy thác tư pháp theo Luật TTTP. Để thống nhất cách hiểu về bản chất của hoạt động TTTP, hiện đại hóa Luật, dự thảo Luật đã sử dụng thuật ngữ “trương trợ tư pháp”. Việc sửa đổi các luật có liên quan sử dụng thuật ngữ “trương trợ tư pháp” đã được xử lý tại Điều 38.

## **VII. TÍNH TƯƠNG THÍCH CỦA DỰ THẢO LUẬT VỚI ĐIỀU ƯỚC QUỐC TẾ CÓ LIÊN QUAN MÀ VIỆT NAM LÀ THÀNH VIÊN**

Dự thảo Luật quy định về phạm vi, nguyên tắc, thẩm quyền, trình tự thực hiện TTTP về dân sự, được xây dựng trên tinh thần nội luật tối đa các quy định có liên quan tại ĐUQT về TTTP trong lĩnh vực dân sự, cụ thể là Công ước tổng đạt, Công ước thụ thập chứng cứ và các hiệp định TTTP trong lĩnh vực dân sự mà Việt Nam đã ký kết<sup>11</sup>. Do đó, dự thảo Luật đảm bảo tương thích với các ĐUQT có liên quan.

## **VIII. DỰ KIẾN NGUỒN LỰC, ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM CHO VIỆC THI HÀNH LUẬT.**

### **1. Dự kiến nguồn lực**

Việc thi hành Luật TTTP sau khi có hiệu lực dự kiến sử dụng các nguồn lực sau:

- Nguồn ngân sách nhà nước đối với các hoạt động được quy định tại khoản 1 Điều 36, xây dựng hệ thống thông tin TTTP về dân sự.
- Nguồn kinh phí huy động từ các chương trình, dự án hợp tác (nếu có) cho hoạt động tuyên truyền, phổ biến, tập huấn Luật.
- Nguồn nhân lực cho công tác tổ chức thi hành Luật cũng như thực hiện các nhiệm vụ của cơ quan Trung ương, bộ, ngành, cơ quan, tổ chức có liên quan khác, dự kiến tiếp tục sử dụng các nhân lực đang thực hiện hiện nay không phát sinh mới.

### **2. Dự kiến điều kiện bảo đảm cho việc thi hành Luật**

- Ban hành văn bản quy định chi tiết: Chính phủ ban hành văn bản hướng dẫn các nội dung được giao và đảm bảo phù hợp với văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan.
- Tổ chức tuyên truyền, phổ biến, tập huấn về Luật: Bộ Tư pháp và các bộ, ngành liên quan (Bộ Ngoại giao, Tòa án nhân dân tối cao) tổ chức tuyên truyền, tập huấn thực hiện Luật cho hệ thống tòa án nhân dân, cơ quan thi hành án dân sự các cấp, cơ quan đại diện ngoại giao của Việt Nam và các cơ quan, tổ chức cá nhân khác có liên quan.

<sup>11</sup> Việt Nam đã ký kết 17 hiệp định/ thỏa thuận TTTP về dân sự với các quốc gia/vùng lãnh thổ: Nga, Ba Lan, Tiệp Khắc (Séc, Xlo-va-ki-a kế thừa), Bun-ga-ri, Hung-ga-ri, Pháp, Trung Quốc, U-cò-rai-na, Mông Cổ, Triều Tiên, Lào, Cam-pu-chia, Bê-la-rút, Thái Lan, An-giê-ri, Ca-đắc-xtan, Lãnh thổ Đài Loan.

- Bảo đảm nhân lực thực hiện: Qua 16 năm thi hành quy định TTTP về dân sự của Luật TTTP, bộ máy, đội ngũ cán bộ làm công tác TTTP về dân sự từ trung ương đến địa phương đã được hình thành nên không đặt ra yêu cầu phải xây dựng bộ máy hay bổ sung nhân lực mới. Tuy nhiên, để nâng cao hiệu quả thi hành khi Luật có hiệu lực, Bộ Tư pháp và các bộ, ngành liên quan, cơ quan có thẩm quyền yêu cầu và thực hiện yêu cầu TTTP về dân sự rà soát, tăng cường nhân lực, sắp xếp, bố trí đội ngũ cán bộ có trình độ về chuyên môn, ngoại ngữ, tin học, có kỹ năng và kinh nghiệm giải quyết yêu cầu TTTP về dân sự để thực hiện nhiệm vụ theo quy định của Luật.

- Bảo đảm cơ sở vật chất và kinh phí: Bộ Tư pháp và các bộ, ngành liên quan, cơ quan có thẩm quyền yêu cầu và thực hiện yêu cầu TTTP về dân sự bố trí, sắp xếp hệ thống máy tính, nâng cấp đảm bảo khả năng truy cập, kết nối mạng internet sẵn sàng kết nối với hệ thống thông tin TTTP; bố trí kinh phí thường xuyên để thực hiện các hoạt động tuyên truyền, phổ biến Luật, bồi dưỡng, tập huấn pháp luật TTTP về dân sự. Bộ Tài chính phân bổ kinh phí cho Bộ Tư pháp xây dựng hệ thống thông tin TTTP về dân sự.

## VII. NHỮNG VẤN ĐỀ CÓ Ý KIẾN KHÁC NHAU CẦN XIN Ý KIẾN

Trong quá trình xây dựng và hoàn thiện dự án Luật TTTP về dân sự, một số cơ quan có ý kiến khác nhau liên quan đến các quy định của dự thảo Luật, Bộ Tư pháp xin báo cáo như sau:

### 1. Về ngân sách nhà nước đảm bảo cho dịch vụ bưu chính công ích để tổng đạt giấy tờ (khoản 1 Điều 36)

Trên cơ sở, đánh giá giữa việc lựa chọn thừa phát lại và doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính công ích thực hiện tổng đạt giấy tờ như đã nêu tại Mục V.2.3, dự thảo Luật đã quy định doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính công ích được chỉ định (sau đây gọi tắt là bưu điện) thực hiện việc tổng đạt giấy tờ nước ngoài (khoản 3 Điều 20). Quy định này cụ thể hóa chính sách tạo cơ chế xã hội hóa hoạt động tổng đạt giấy tờ khi lập đề nghị xây dựng Luật TTTP về dân sự đã được phê duyệt. Tuy nhiên, Bộ Tài chính cho rằng, giải pháp đề xuất cho chính sách này là quy định cơ chế cho phép tổ chức có chức năng cung cấp dịch vụ công hoặc thừa phát lại được cơ quan nhà nước chỉ định thực hiện tổng đạt giấy tờ của nước ngoài có thu chi phí nên quy định tại ngân sách nhà nước đảm bảo cho dịch vụ bưu chính công ích tổng đạt giấy tờ nước ngoài không đúng chính sách đã được phê duyệt và mâu thuẫn với quy định tại khoản 2 Điều 11.

Bộ Tư pháp xin đánh giá về lợi ích kinh tế khi thu phí dịch vụ bưu chính công ích tổng đạt giấy tờ nước ngoài để thuyết minh cho khoản 1 Điều 36 như sau:

- Cước phí bưu điện bảo đảm có ký nhận đối với mỗi một hồ sơ yêu cầu TTTP của nước ngoài trung bình 40.000đ/hồ sơ.

- Trung bình mỗi năm Bộ Tư pháp tiếp nhận 1.100 hồ sơ yêu cầu TTTP của nước ngoài, trong đó có khoảng 400 hồ sơ yêu cầu của các quốc gia thành viên Công ước tổng đạt, xấp xỉ 700 yêu cầu của các quốc gia có hiệp định song phương với Việt Nam số còn lại dưới 05 yêu cầu của các quốc gia chưa có quan hệ ĐUQT

với Việt Nam. Việt Nam chỉ có thể thu chi phí tổng đạt giấy tờ đối với yêu cầu của các quốc gia chưa có quan hệ ĐUQT với Việt Nam và yêu cầu của các quốc gia thành viên Công ước tổng đạt nếu yêu cầu không phải do cơ quan nhà nước thực hiện, đối với yêu cầu của các quốc gia có hiệp định song phương với Việt Nam không thu chi phí do các hiệp định đều quy định việc hai bên miễn phí thực hiện các yêu cầu cho nhau. Như vậy, Việt Nam chỉ có thể thu chi phí tổng đạt giấy tờ nước ngoài đối với 405 hồ sơ yêu cầu TTTP của nước ngoài.

Tổng chi phí thu được trong 1 năm là:  $405 \text{ hồ sơ} \times 40.000\text{đ}/\text{hồ sơ} = 16.200.000\text{đ}$  (mười sáu triệu hai trăm nghìn đồng).

Tuy nhiên, việc thu chi phí tổng đạt giấy tờ sẽ phát sinh kinh phí cho việc bố trí nhân lực theo dõi, kiểm tra việc thanh toán của phía nước ngoài; chi phí chuyển khoản ngoại tệ (tuy số tiền này phía nước ngoài chi trả nhưng lớn hơn nhiều so với khoản tiền 40.000đ). Mặt khác, hiện nay việc thực hiện yêu cầu TTTP tổng đạt giấy tờ của nước ngoài do tòa án thực hiện và ngân sách nhà nước bảo đảm. Kinh phí chi cho gửi bưu điện thông thường giấy tờ từ Bộ Tư pháp đến tòa án và trả kết quả từ tòa án cho Bộ Tư pháp đang được ngân sách nhà nước bảo đảm chi trả ước tính là:  $405 \text{ hồ sơ} \times 10.000\text{đ}/\text{hồ sơ} \times 2 = 8.100.000\text{đ}$  (tám triệu một trăm nghìn đồng). Như vậy, Việt Nam hoàn toàn không có lợi ích kinh tế nếu thu tiền của nước ngoài để trả phí dịch vụ bưu chính.

Trên cơ sở đó, Bộ Tư pháp đề nghị giữ nguyên quy định tại dự thảo Luật.

## **2. Về thẩm quyền thực hiện kiểm tra công tác tương trợ tư pháp về dân sự và đơn đốc thực hiện yêu cầu tương trợ tư pháp về dân sự của Bộ Tư pháp (khoản 4, 5 Điều 33)**

Khoản 4 và 5 Điều 30 quy định Bộ Tư pháp chủ trì kiểm tra các cơ quan có thẩm quyền thực hiện tương trợ tư pháp về dân sự và đơn đốc việc thực hiện các yêu cầu TTTP về dân sự. Tuy nhiên, Tòa án nhân dân tối cao có ý kiến bỏ quy định này do (i) Luật TTTP hiện hành không quy định Bộ Tư pháp có thẩm quyền này mà thẩm quyền này quy định tại Nghị định 92/2008/NĐ-CP ngày 22/8/2008 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật Tương trợ tư pháp; (ii) theo quy định tại Điều 38, 46 và 77 Luật Tổ chức tòa án nhân dân thì Tòa án nhân dân tối cao, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao có trách nhiệm chỉ đạo, tổ chức kiểm tra, đơn đốc việc thực hiện các hoạt động về điều ước quốc tế, hoạt động hợp tác quốc tế của tòa án dẫn đến quy định của Luật TTTP về dân sự sẽ chòng chéo với quy định về thẩm quyền của Tòa án nhân dân tối cao, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao của Luật Tổ chức tòa án nhân dân năm 2024; (iii) Bộ Tư pháp không phải là cơ quan trung ương của Việt Nam trong hoạt động TTTP về dân sự, không phải cơ quan trực tiếp thực hiện TTTP mà chỉ là cơ quan hỗ trợ tòa án và cơ quan có thẩm quyền khác chuyển yêu cầu.

Đối với ý kiến nêu trên của Tòa án nhân dân tối cao, Bộ Tư pháp cho rằng:

*Thứ nhất*, theo quy định tại khoản 1 Điều 96 Hiến pháp năm 2013 thì Chính phủ có nhiệm vụ tổ chức thi hành luật của Quốc hội. Dự thảo Luật quy định Chính phủ là cơ quan quản lý nhà nước về TTTP về dân sự, trong đó có hoạt động kiểm

tra công tác TTTP về dân sự (khoản 6 Điều 28) và Bộ Tư pháp là cơ quan giúp Chính phủ thực hiện nhiệm vụ này.

*Thứ hai*, Bộ Tư pháp là cơ quan trung ương của Việt Nam trong thực thi các ĐUQT về TTTP trong lĩnh vực dân sự.

*Thứ ba*, khoản 2 Điều 62 Luật TTTP hiện hành quy định Bộ Tư pháp có trách nhiệm đôn đốc việc thực hiện ủy thác tư pháp về dân sự.

*Thứ tư*, thực tiễn triển khai thực hiện Luật TTTP và các văn bản hướng dẫn thi hành, Bộ Tư pháp vẫn chủ trì kiểm tra công tác TTTP về dân sự tại các tòa án nhân dân. Việc thực hiện hoạt động này không ảnh hưởng đến thẩm quyền hướng dẫn nghiệp vụ xét xử trong đó có giải quyết các vụ việc dân sự có yếu tố nước ngoài của Tòa án nhân dân tối cao.

Do đó, quy định thẩm quyền của Bộ Tư pháp về đôn đốc thực hiện TTTP về dân sự và chủ trì kiểm tra công tác TTTP về dân sự là hoàn toàn phù hợp và kế thừa các quy định của Luật TTTP hiện hành.

### **3. Về sử dụng thuật ngữ “tương trợ tư pháp” thay cho “ủy thác tư pháp”**

Như đã trình bày tại Mục V nêu trên, việc sử dụng thuật ngữ tương trợ tư pháp tại dự thảo Luật tạo sự thống nhất trong hệ thống pháp luật. Tuy nhiên, Tòa án nhân dân tối cao, Bộ Ngoại giao, Bộ Tài chính cho rằng việc thay thế này không thực sự cần thiết, đặc biệt còn dẫn đến việc sửa đổi nhiều văn bản quy phạm pháp luật liên quan vì thuật ngữ ủy thác tư pháp, ủy thác tư pháp ra nước ngoài đang được quy định tại các văn bản hiện đã có sự phân biệt giữa hoạt động phối hợp giữa cơ quan trong nước và hợp tác với cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài.

Về lý do cần thay thế thuật ngữ “TTTP” và “ủy thác tư pháp” đã được nêu rõ tại mục VI ở trên. Bên cạnh đó, có luật có liên quan đến thuật ngữ ủy thác tư pháp vì dẫn chiếu đến quy định của Luật TTTP được ban hành từ năm 2007. Bộ Tư pháp cho rằng việc xây dựng Luật TTTP về dân sự là cơ hội để tạo ra sự thống nhất trong việc quy định thuật ngữ tương trợ tư pháp, đảm bảo thuật ngữ này phản ánh đúng bản chất của nó là chỉ hoạt động hợp tác với nước ngoài. Đối với các luật liên quan chỉ sửa đổi mang tính kỹ thuật bằng việc thay thế hoặc bổ sung thuật ngữ tương trợ tư pháp.

Trên cơ sở đó, Bộ Tư pháp đề nghị giữ nguyên quy định tại dự thảo Luật.

Trên đây là Tờ trình dự án Luật Tương trợ tư pháp về dân sự, Bộ Tư pháp xin kính trình Chính phủ./.

*Xin gửi kèm theo:*

- Dự thảo Luật Tương trợ tư pháp về dân sự;

- Bảng tiếp thu, giải trình đối với hồ sơ dự án Luật Tương trợ tư pháp về dân sự;

- Báo cáo rà soát các văn bản của Đảng, các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến dự án Luật Tương trợ tư pháp về dân sự;



- Báo cáo tổng kết Luật tương trợ tư pháp năm 2007 (phần dân sự)./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Thủ tướng Chính phủ (để báo cáo);
- Các Phó Thủ tướng Chính phủ (để báo cáo);
- Bộ trưởng (để b/c);
- Văn phòng Chính phủ;
- Lưu: VT, PLQT.

**KT. BỘ TRƯỞNG  
THỨ TRƯỞNG**



**Nguyễn Khánh Ngọc**

